

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 98/2022/DS-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

"V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Trung Du**.

2. Ông: **Đinh Minh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Bé H** – sinh năm 1974 (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm: 1960 (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Thùy M** – sinh năm: 1992 (vắng).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thùy M là bà Trương Thị Bé H – sinh năm: 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021) (có mặt).

2. Ông **Lý Văn B** – sinh năm: 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng X** (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 15/6/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2022, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn bà Trương Thị Bé H trình bày:** Bà có phần đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, thửa 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.960m² tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là do của cha mẹ chồng bà tặng cho vợ chồng bà một phần và một phần do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của người khác. Giáp ranh với thửa đất của bà là thửa đất số 443 (thửa mới 67), tờ bản đồ số 9 (19), diện tích 1.180m² loại đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa đất bà và đất bà L, ông B chỉ có một trụ ranh. Khi Vlap đo đạc năm 2011 thì giữa đất bà và đất bà L, ông B có cắm trụ ranh bằng đá để xác định ranh nhưng hiện nay trụ ranh không còn nữa. Bà thống nhất theo kết quả đo đạc của Vlap. Đến ngày 10/4/2013 thì bà được Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với thửa 63. Năm 2020 thì giữa bà và bà L, ông Bá xảy ra tranh chấp ranh do lá dừa nước của gia đình bà trồng thì bà L qua phần đất của bà để chặt lá dừa nước để sử dụng do bà L cho rằng lá dừa nước đó nằm trên đất của bà L.

Nay bà yêu cầu bà L và ông Bá phải trả lại bà phần đất mà bà L và ông Bá đã lấn chiếm của bà diện tích 101,6m² thửa 63, tờ bản đồ số 19, diện tích chung 1.960m² tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà và ông Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*** Tại bảng KH ý kiến ngày 25/5/2021, ngày 29/6/202 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà có phần đất tại thửa đất số 443 (thửa mới 67), tờ bản đồ số 9 (19), diện tích 1.180m² loại đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất là do bà nhận chuyển nhượng của cụ ông Trương Văn Nhì và cụ bà Lý Thị Huệ (là ông bà nội của bà Bé H). Giáp ranh với phần đất của bà là phần đất ở tại nông thôn + đất trồng cây lâu năm, thửa 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.960m² tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Bé H và ông Vân (chết

2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa đất bà và đất bà Bé H có trụ ranh ổn định đến khi đo đạc Vlap thì trụ ranh đó vẫn còn và bà vẫn thống nhất theo trụ ranh Vlap. Khi bà nhận chuyển nhượng đất của cụ Nhì và cụ Huệ thì 02 cụ đã chuyển nhượng cho bà con nương giáp với thửa đất của bà Bé H. Trước đó ông Nguyễn Văn Sao (là Bc chồng của bà Bé H) có hỏi cụ Nhì và cụ Huệ xin trồng nhờ lá dừa nước trên con nương của 02 cụ nên lá dừa nước đó vẫn nằm trên thửa 443 (thửa mới 67) của bà, việc bà sử dụng lá dừa nước là đúng, bà không có lấn ranh đất của bà Bé H. Nay bà Bé H yêu cầu bà phải trả lại cho bà Bé H phần đất diện tích 101,6m² thửa 63, tờ bản đồ số 19, diện tích chung 1.960m² tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Bé H và ông Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không đồng ý vì bà không có lấn ranh đất của bà Bé H.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy M là bà Trương Thị Bé H trình bày:** Chị M thống nhất theo lời trình bày của bà Bé H, không có ý kiến gì thêm.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B trình bày:** Ông thống nhất theo lời trình bày của bà L, ông không có ý kiến gì bổ sung thêm.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn xin vắng mặt ngày 15/6/2021 ngân hàng trình bày:**

Ngân hàng không có ý kiến và không có yêu cầu gì vì phần đất tranh chấp diện tích 28,8m² thửa đất 63 không ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi đảm bảo tiền vay và nghĩa vụ trả nợ của bà L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông Bo thụ lý vụ án, thông Bo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công KH chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải trả lại cho bà Trương Thị Bé H phần đất diện tích 101,6m², tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Trương Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị Bé H phần đất diện tích 101,6m², tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận cho bà Trương Thị Bé H được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm dừa (05-25 năm): 03 cây, dừa < 03 năm: 01 cây, tắc: 01 cây, tầm vong: 50 cây, lá dừa nước > 05m, mai vàng 01 cây.

Đối với số tiền bà Nguyễn Thị L vay vốn tại Ngân hàng X. Do Ngân hàng X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 4.710.000đ (Bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải chịu. Bà Trương Thị Bé H đã nộp đủ. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị Bé H số tiền là 4.710.000đ (Bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B không phải nộp án phí do bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

* Tài liệu chứng cứ của nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện; CMND, sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận kết hôn; Biên bản hòa giải xã; Đơn yêu cầu đo đạc; Đơn yêu cầu định giá tài sản; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy ủy quyền; Giấy KH sinh; Đơn xác nhận; Trích lục KH tử; Quyết định thành lập hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; Đơn kL nại.

* Tài liệu chứng cứ của bị đơn đã nộp: Bảng KH ý kiến; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bảng dự thảo giá trị bồi thường, hỗ trợ công trình đê bao sông Măng Thít; Biên bản kê KH và kiểm kê tài sản;

* Tài liệu chứng cứ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nộp: Bảng KH ý kiến.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, phần đất tranh chấp thuộc tách thửa 63 có diện tích là 101,6m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vắng mặt nhưng Ngân hàng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo biên bản đo đạc hiện trạng ngày 13/7/2021 và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm thì nguyên đơn bà Bé H thống nhất nhưng bị đơn bà L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông B không thống nhất theo kết quả đo đạc trên và yêu cầu khảo sát đo đạc lại đối với các thửa đất tranh chấp.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2021 thì nguyên đơn bà Bé H, bị đơn bà L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bá cùng thống nhất.

Ngày 29/6/2022 Tòa án có ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà L và ông B không thống nhất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm thì bà L và ông B phải làm đơn yêu cầu đo đạc lại và nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc lại nhưng bà L và ông B không thực hiện nên Tòa án đưa vụ án ra giải quyết theo quy định.

Nay bà Bé H yêu cầu bà L và ông B phải trả lại bà Bé H phần đất mà bà L và ông B đã lấn chiếm của bà Bé H diện tích 101,6m² thửa 63, tờ bản đồ số 19, diện tích chung 1.960m² tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Bé H và ông Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại công văn số 1041/UBND-TNMT ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm thì theo tư liệu đo đạc bản đồ địa chính chính quy (Dự án Vlap): Ông Nguyễn Văn Vân và bà Trương Thị Bé H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) ở thửa số 63, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.960,0m², mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B được cấp Giấy chứng nhận ở thửa số 67, tờ bản đồ số 19, diện tích 871,0m², mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm, cùng tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022: Tách thửa 63 (phần đất tranh chấp) diện tích 101,6m² và tách thửa 63 (phần đất còn lại)

diện tích $1.835,7\text{m}^2$ với tổng diện tích $1.937,3\text{m}^2$. Diện tích giảm $22,7\text{m}^2$ do biến động ranh. Thửa 63, Nhà nước không thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đê bao sông Mang Thít (giai đoạn 2).

Thửa 67, diện tích $702,0\text{m}^2$ tăng $11,4\text{m}^2$ so với Giấy chứng nhận ($871\text{m}^2 - 180,4\text{m}^2 = 690,6\text{m}^2$) do biến động ranh. Thửa 67, Nhà nước thu hồi $180,4\text{m}^2$ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đê bao sông Măng Thít (giai đoạn 2).

Theo công văn phúc đáp của Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm thì thửa 63 của bà Bé H có diện tích $1.960,0\text{m}^2$ khi đo đạc thực tế diện tích $1.835,7\text{m}^2$ cộng cả phần đất tranh chấp $101,6\text{m}^2$ thì diện tích còn lại $1.937,3\text{m}^2$ giảm $22,7\text{m}^2$, diện tích giảm do biến động ranh. Thửa 67 của bà L và ông B diện tích 871m^2 , Nhà nước thu hồi $180,4\text{m}^2$ diện tích còn lại $690,6\text{m}^2$, khi đo đạc thực tế diện tích $702,0\text{m}^2$ tăng $11,4\text{m}^2$, diện tích tăng do biến động ranh. Từ đó cho thấy thửa 63 của bà Bé H khi đo đạc thực tế giảm, còn thửa 67 của bà L và ông B tăng nhưng diện tích tăng giảm do biến động ranh. Đồng thời theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm thì diện tích tranh chấp $101,6\text{m}^2$ thuộc tách thửa 63, tờ bản đồ số 19 và theo phúc đáp của Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm thì thửa 63 do ông Vân và bà Bé H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy bà Bé H yêu cầu bà L và ông B phải trả lại cho bà Bé H phần đất diện tích $101,6\text{m}^2$, tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà L và ông B phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Bé H phần đất diện tích $101,6\text{m}^2$, tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 13/7/2021 thì cây trồng trên phần đất tranh chấp gồm: dừa (05-25 năm): 03 cây thành tiền là 2.700.000đ, dừa < 03 năm: 01 cây thành tiền 168.000đ, tắc: 01 cây thành tiền 90.000đ, tầm vong: 50 cây thành tiền 1.000.000đ, lá dừa nước > 05m thành tiền 105.000đ, mai vàng 01 cây. Theo bà Bé H toàn bộ cây trồng trên do chủ đất cũ trồng và nằm trên thửa 63 của bà Bé H nên bà Bé H yêu cầu được sở hữu toàn bộ cây trồng trên. Bà L và ông B cũng thống nhất toàn bộ cây trồng trên bà Bé H, ông B và bà L không trồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Bé H. Công nhận cho bà Bé H được sở hữu toàn bộ cây trồng trên.

Ngân hàng X không yêu cầu bà L trả lại số tiền vay do bà L tranh chấp ranh đất với bà Bé H diện tích không đáng kể, không ảnh hưởng đến phạm vi đảm bảo tiền vay và nghĩa vụ trả nợ của bà L nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 4.710.000đ, buộc bà L và ông B phải chịu. Bà Bé H đã nộp đủ. Buộc bà L và ông B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bé H số tiền là 4.710.000đ.

[4.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông B không phải nộp án phí do bà L và ông B là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải trả lại cho bà Trương Thị Bé H phần đất diện tích 101,6m², tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do bà Trương Thị Bé H và ông Nguyễn Văn Vân (chết 2014) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trương Thị Bé H phần đất diện tích 101,6m², tách thửa 63, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (phần đất gồm các cọc mốc 1, 27, 28, 29, 17, 16, 15, 1) (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/6/2022).

Công nhận cho bà Trương Thị Bé H được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất gồm dừa (05-25 năm): 03 cây, dừa < 03 năm: 01 cây, tắc: 01 cây, tầm vong: 50 cây, lá dừa nước > 05m, mai vàng 01 cây.

Đối với số tiền bà Nguyễn Thị L vay vốn tại Ngân hàng X. Do Ngân hàng X không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xét giải quyết.

Bà Trương Thị Bé H và bà Nguyễn Thị Hiếu, ông Lý Văn B có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai biến động theo Luật Đất đai năm 2013.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1. Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: 4.710.000đ (Bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B phải chịu. Bà

Trương Thị Bé H đã nộp đủ. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị Bé Hai số tiền là 4.710.000đ (Bốn triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B không phải nộp án phí do bà Nguyễn Thị L và ông Lý Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Bé H số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008929 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh